

Bản án số: 20/2017/HSST  
Ngày: 21/12/2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Nguyên Tùng;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Xuân Dũng;
2. Ông Trần Văn Uy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Lệ Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:**  
Ông Lê Hải – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa công khai, để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 26/2017/HSST ngày 20/11/2017, đối với các bị cáo:

**1. Võ Thị Kim P**, sinh năm 1977; tại: Tỉnh Phú Yên; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ L, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; tiền án: Ngày 02/7/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Tuy An phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, về tội “Cố ý gây thương tích”; tiền sự: Không; tạm giam ngày 02/5/2017;

**2. Vũ Văn T** (tên gọi khác: H), sinh năm 1987; tại: Tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn 5, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức L, sinh năm 1962 và bà Đàm Thị P, sinh năm 1966; sống như vợ chồng với Nguyễn Thị A, sinh năm 1994 và 01 con, sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam ngày 02/5/2017;

**3. Lê Văn T** (tên gọi khác: Mỏ R), sinh năm 1990; tại: Tỉnh Phú Yên; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn V, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L, sinh năm 1962 và bà Cao Thị H, sinh năm 1960; có vợ Đoàn Thị Mỹ L,

sinh năm 1989 và 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam ngày 26/7/2017;

**4. Lê Duy L**, sinh năm 1983; tại: Tỉnh Phú Yên; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Duy H, sinh năm 1947 và bà Trần Thị Q, sinh năm 1949; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/9/2002 bị Tòa án nhân dân huyện Tuy Hòa phạt 30 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong ngày 20/10/2004; tạm giam ngày 23/10/2017.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*\* Người bào chữa của các bị cáo:*

Ông Đoàn Cửu V, Luật sư - Văn phòng Luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên; địa chỉ: 391 N, phường 7, thành phố T, tỉnh Phú Yên; là người bào chữa cho bị cáo Võ Thị Kim P; có mặt.

Ông Nguyễn Tấn H, Luật sư - Văn phòng Luật sư L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên; địa chỉ: 16A/2 L, thành phố T, tỉnh Phú Yên; là người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn T; vắng mặt. Tuy nhiên, trước ngày mở phiên tòa bị cáo Vũ Văn T đã có đơn từ chối người bào chữa, tại phiên tòa bị cáo Vũ Văn T cũng không yêu cầu người bào chữa.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Đỗ Mạnh C (tên gọi khác: Ba Si C), sinh năm 1980; nơi cư trú: 34 T, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

2/ Đỗ Mạnh H (tên gọi khác: L), sinh năm 1987; nơi cư trú: 34 T, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

3/ Hoàng Lữ Q (tên gọi khác: Cu M), sinh năm 1981; nơi cư trú: 24 T, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

4/ Nguyễn Hữu H, sinh năm 1980; nơi cư trú: 26/6 L, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

5/ Lê Quốc T (tên gọi khác: P), sinh năm 1994; nơi cư trú: 5B/14 L, phường 2, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

6/ Nguyễn Văn H (tên gọi khác: S), sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn L, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

7/ Nguyễn Ngọc T (tên gọi khác: T), sinh năm 1991; nơi cư trú: thôn L, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

8/ Nguyễn Đức T (tên gọi khác: M), sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

9/ Nguyễn Thị L (mẹ ruột bị cáo P), sinh năm 1959; nơi cư trú: thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

10/ Dương Ngọc T (tên gọi khác: Mười S), sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

11/ Hà Kỳ H, sinh năm 1994; nơi cư trú: khu phố L, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

12/ Hồ Thị T, sinh năm 1998; nơi cư trú: khu phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

13/ Bà Đàm Thị P (mẹ ruột bị cáo T), sinh năm 1966; nơi cư trú: thôn 5, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Đầu tháng 3/2017, Võ Thị Kim P quen biết với Vũ Văn T. Đến tháng 4/2017, P và T sống chung như vợ chồng tại nhà của P ở thôn P, xã A, huyện T. T đưa cho P cất giấu 22 viên ma túy (hồng phiến) để sử dụng dần. P và T bàn bạc, thống nhất với nhau mua ma túy đá về bán lại kiếm lời. Trong thời gian này, Lê Văn T đến ở nhà của P để sử dụng ma túy đá và đi bán ma túy đá cho P.

Cuối tháng 4/2017, có 01 người đàn ông tên Đ (không rõ nhân thân lai lịch) ở thị trấn E, tỉnh Đắk Lắk đặt mua của T 01 lượng ma túy đá với giá 55.000.000đ. P và T bàn bạc, thống nhất để T ra Hà Nội tìm mua ma túy đá đem về Phú Yên sử dụng và bán lại kiếm lời. T liên lạc với người đàn ông tên L (không rõ nhân thân lai lịch, T quen khi ở bên nước Nga) để hỏi mỗi bán ma túy đá tại Hà Nội. L giới thiệu T với một người đàn ông có số điện thoại 0941054850 (không rõ nhân thân lai lịch), người này bảo T trực tiếp ra Hà Nội giao dịch. Ngày 29/4/2017, P mua vé máy bay cho T đi Hà Nội gặp người đàn ông trên mua 03 gói ma túy đá (mỗi gói 01 lượng) với giá 39.000.000đ/01 lượng; T trả tiền trước 01 lượng và hẹn về Phú Yên sẽ chuyển trả qua tài khoản cho người bán.

Khoảng 14 giờ ngày 02/5/2017, T đi xe khách về tới nhà P và đưa 03 gói ma túy đá cho P cất giữ. P đưa T 50.000.000đ để chuyển trả tiền mua ma túy đá và 2.000.000đ mua một hộp sâm để cất giấu ma túy đá gởi cho người tên Đ. P phân lẻ 02 gói ma túy đá (mỗi gói 01 lượng) được 30 gói nhỏ, cất giấu tại bàn trang điểm trong phòng ngủ của P để bán lại kiếm lời. T và Văn T đi vào thành phố T mua 01 hộp sâm. Tại đây, trong số tiền 50.000.000đ P đưa, Tiến gửi cho mẹ ruột là bà Đàm Thị P, trú tại thôn 5, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk 45.000.000đ, cho Văn T 2.000.000đ, ăn tiêu hết 515.000đ, còn lại 2.485.000đ, rồi quay về nhà P. T để gói ma túy đá (01 lượng) vào hộp sâm chuẩn bị gửi cho người có tên là Đ thì bị bắt quả tang.

Quá trình điều tra, xác định trong khoảng thời gian từ cuối tháng 8/2016 đến cuối tháng 4/2017, Võ Thị Kim P đã nhiều lần mua ma túy đá ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Bắc mang về Phú Yên sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện kiếm lời. Cụ thể như sau:

Khoảng cuối tháng 8/2016, Võ Thị Kim P vào thành phố Hồ Chí Minh mua của Nguyễn Lữ Ngọc C, sinh năm 1984, địa chỉ tại 27/6 C, phường C, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh 3.000.000đ ma túy đá đem về Phú Yên sử dụng và phân lẻ được khoảng 20 gói nhỏ. Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2016 đến tháng 01/2017, P trực tiếp bán số ma túy đá trên cho các đối tượng nghiện trên địa bàn tỉnh Phú Yên với giá 500.000đ/gói. Trong đó,

bán cho Lê Quốc T (P): 06 lần (trong đó có 05 lần bán với giá 400.000đ/gói); Nguyễn Văn H (S): 02 lần; Hoàng Lữ Q (Cu m): 02 lần; Hà Kỳ H: 02 lần; Nguyễn Đức T (M): 01 lần.

Tháng 01/2017, Võ Thị Kim P gặp Lê Duy L tại thành phố T. P nhiều lần cho L sử dụng chung ma túy đá, sau đó L chủ động đề nghị P cho đi bán ma túy đá, P đồng ý và cung cấp cho L 01 điện thoại di động và 01 xe mô-tô biển số 78H1-236.83 để L đi bán ma túy đá cho P.

Khoảng giữa tháng 02/2017, P tiếp tục mua của Nguyễn Lữ Ngọc C 02 hộp ma túy đá (mỗi hộp khoảng 10 gam) và 3.000.000đ Heroine, tổng cộng: 18.000.000đ (02 hộp ma túy đá giá 12.000.000đ, 3.000.000đ Heroine và 3.000.000đ tiền gửi xe). P cất giấu số Heroine trên tại nhà để gửi cho người yêu là Phạm Văn P, trú ở thôn V, xã H, huyện P sử dụng dần. Số ma túy đá P sử dụng và phân lẻ được khoảng 80 gói nhỏ để bán lại kiếm lời.

Từ giữa tháng 02/2017 đến giữa tháng 3/2017 Võ Thị Kim P và Lê Duy L cùng nhau đi bán số ma túy đá nói trên cho các đối tượng nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Phú Yên với giá 500.000 đồng/gói. Trong đó:

- Lê Duy L bán cho Đỗ Mạnh C (Ba xì c): 03 lần; Hoàng Lữ Q: 03 lần; Nguyễn Ngọc T (T): 02 lần; Lê Văn T (Mỏ R): 02 lần.

- Võ Thị Kim P bán cho Đỗ Mạnh C (Ba xì c): 03 lần ; Nguyễn Đức T (M): 01 lần.

Đến khoảng giữa tháng 3/2017, Lê Duy L không còn đi bán ma túy cho P nữa, điện thoại và xe mô tô biển số 78H1-236.83 L đã trả lại cho P (xe này P đưa cho em gái là Hồ Thị T sử dụng) và được P trả công 5.000.000đ.

Cuối tháng 3/2017, Nguyễn Lữ Ngọc C không bán ma túy đá nữa nên P liên lạc với một phụ nữ người miền Bắc (không rõ nhân thân lai lịch) để mua ma túy đá. Theo sự hướng dẫn của người phụ nữ trên, ngày 07/4/2017, P và T đến Ngân hàng N huyện T chuyển 75.000.000đ vào tài khoản số 1508205242020 của một người có tên Triệu Hải L tại Ngân hàng N thành phố Hà Nội để mua 02 lượng ma túy đá (02 lượng ma túy đá giá 74.000.000đ và 1.000.000đ tiền gửi ma túy cho xe khách, tổng cộng là 75.000.000đ). T không hỏi và P cũng không nói nên T không biết số tiền trên gửi cho ai và gửi để làm gì. Ngày 08/4/2017, P đi xe mô tô biển số 78C1-03663 đến Trạm thu phí B thuộc xã A, huyện T nhận từ một xe khách (không rõ biển số) 01 gói bánh kẹo bên trong có 02 gói ma túy đá mang về nhà cất giấu. Sau đó, P lấy khoảng 1/5 gói ma túy đá cho vào lọ nhựa cất giấu tại bàn trang điểm; số ma túy đá còn lại, P đem vào khu vực rừng dương ở xã B, thành phố T chôn giấu thì bị người khác phát hiện lấy mất.

Võ Thị Kim P phân lẻ số ma túy đá trong lọ nhựa được khoảng 80 gói nhỏ. P cùng T, Văn T sử dụng chung và bán lại cho các đối tượng nghiện với giá 500.000đ/gói để kiếm lời. Trong đó:

- Võ Thị Kim P bán cho Đỗ Mạnh H (Cu L): 01 lần; Nguyễn Đức T (M): 01 lần.

- Vũ Văn T bán cho Đỗ Mạnh C: 02 lần; Dương Ngọc T (Mười S): 01 lần; Hà Kỳ H: 04 lần; Nguyễn Hữu H: 01 lần.

- Lê Văn T bán cho Đỗ Mạnh C: 01 lần; Đỗ Mạnh H: 01 lần.

Tại bản kết luận giám định số 150/GĐ-PC54 ngày 04-5-2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận:

- “Tinh thể màu trắng đựng trong bì nylon trong suốt dán kín (ký hiệu A1 = 169,809g, A2 = 4,842g, A5 = 97,667g) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An ghi thu ngày 02/5/2017 trong vụ Võ Thị Kim P, sinh năm 1977, trú tại thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, tàng trữ và mua bán trái phép chất ma túy, gửi giám định có trọng lượng 272,318g (hai trăm bảy mươi hai phẩy ba một tám gam) là Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, số thứ tự 67, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ;

- Chất bột màu trắng đựng trong bì nylon trong suốt dán kín (ký hiệu A3) do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An ghi thu ngày 02/5/2017 trong vụ Võ Thị Kim P, sinh năm 1977, trú tại thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, tàng trữ và mua bán trái phép chất ma túy, gửi giám định có trọng lượng 1,227g (một phẩy hai hai bảy gam) là Heroin. Heroin là chất ma túy nằm trong danh mục I, số thứ tự 20, Nghị định 82 ngày 19-7-2013 của Chính phủ;

- 22 viên nén màu đỏ có logo “WY” trong bì nylon thu mẫu trong suốt dán kín (ký hiệu A4) do Cơ quan CSĐT Công an huyện Tuy An ghi thu ngày 02/5/2017 trong vụ Võ Thị Kim P, sinh năm 1977, trú tại thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên, tàng trữ và mua bán trái phép chất ma túy, gửi giám định là ma túy có trọng lượng 2,050g (hai phẩy không năm không gam) là Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, số thứ tự 67, Nghị định 82 ngày 19/7/2013 của Chính phủ”.

Tại bản cáo trạng số: 22/VKS-P1 ngày 20/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đã truy tố: Các bị cáo Võ Thị Kim P và Vũ Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; các bị cáo Lê Văn T và Lê Duy L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Áp dụng các điểm c, i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung) để xử lý Võ Thị Kim P; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung) để xử lý Vũ Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

**Tại phiên tòa:** Các bị cáo Võ Thị Kim P, Vũ Văn T, Lê Văn T, Lê Duy L đều khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố là đúng, không oan. Các bị cáo mong được pháp luật khoan hồng và xin giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo Võ Thị Kim P, Vũ Văn T, Lê Duy L, Lê Văn T phạm tội: “Mua, bán trái phép chất ma túy”; các bị cáo Võ Thị Kim P, Vũ Văn T còn phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Phạt: Bị cáo Võ Thị Kim P từ 18 đến 19 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; Áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm c, i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung); điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Phạt: Bị cáo Võ Thị kim P từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Võ Thị Kim P phải chấp hành hình phạt chung từ 19 năm 06 tháng đến 21 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/5/2017;

- Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Phạt: Bị cáo Vũ Văn T từ 17 đến 18 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; Áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung); điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Phạt: Bị cáo Vũ Văn T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Vũ Văn T phải chấp hành hình phạt chung từ 18 năm đến 19 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/5/2017;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Phạt: Bị cáo Lê Duy L từ 09 năm đến 10 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 23/10/2017; Phạt: Bị cáo Lê Văn T từ 07 năm đến 08 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2017.

- Căn cứ các điều 41, 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước: + 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SHARK, biển số 78C1- 036.63; + 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS biển số 78H1-23683; + 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy A5; + 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu sơn xanh của Võ Thị Kim P; + 01 (Một) điện thoại di động hiệu Land Rover màu đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng của Vũ Văn T; + 99.251.000 Việt nam Đồng và 02 USD đã được nộp vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên tại Kho bạc nhà nước tỉnh Phú Yên. Đề nghị trả lại cho Võ Thị Kim P 01 sạc dự phòng, 01 máy tính bảng và 01 camera; Trả lại cho Lê Văn T 01 điện thoại di động hiệu Nokia; Trả lại cho Lê Duy L 01 điện thoại di động Masstel; Tịch thu tiêu hủy các vật chứng còn lại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Võ Thị Kim P đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P, và tuyên trả một trong hai xe mô tô nhãn hiệu SHARK hoặc SIRIUS cho bị cáo P, vì không có căn cứ tịch thu như ý kiến của Kiểm sát viên.

Bị cáo Võ Thị Kim P đề nghị tuyên trả cho bị cáo: Số tiền 37.916.000đ vì không phải do mua bán ma túy mà có; 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy A5 vì bị cáo không dùng điện thoại này vào việc phạm tội.

Bị cáo Vũ Văn T đề nghị tuyên trả cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng vì bị cáo không dùng điện thoại này vào việc phạm tội và số tiền 2.485.000đ là của bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Yên, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa, các bị cáo xuất trình tài

liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; người bào chữa, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận tội của các bị cáo Võ Thị Kim P, Vũ Văn T, Lê Duy L, Lê Văn T tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu là chứng cứ có tại hồ sơ, nên đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Võ Thị Kim P bắt đầu mua Methamphetamine (thường gọi là: Ma túy đá) từ thành phố Hồ Chí Minh đem về Phú Yên bán lẻ từ tháng 8/2016. Đến tháng 01/2017, bị cáo Lê Duy L tự nguyện tham gia bán ma túy đá cho P; P cung cấp xe mô-tô, điện thoại di động làm phương tiện để L đi bán ma túy đá 10 lần thì nghỉ, L được P cho 05 triệu đồng. Tháng 3/2017, P quen biết và chung sống như vợ chồng với Vũ Văn T; T đưa cho P cất giữ 22 viên hồng phiến (tên khoa học: Methamphetamine), có trọng lượng 2,050 gam để sử dụng dần; P còn cất giấu 1,227 gam Heroin để thỉnh thoảng đưa cho bạn trai là Phạm Văn P sử dụng. Cùng thời gian này Lê Văn T thường xuyên đến nhà P để sử dụng ma túy đá, nên thường xuyên cùng T nhận ma túy đá của P đi bán cho các đối tượng nghiện; cụ thể T bán 08 lần, Văn T bán 02 lần. Khoảng cuối tháng 4/2017 P hết ma túy đá để bán nên bàn bạc với T đi Hà Nội mua ma túy đá đem về, ngày 29/4/2017 P mua vé máy bay và đưa 02 triệu đồng cho T đi Hà Nội. Tại Hà Nội, T đã giao dịch và mua của một người đàn ông không rõ nhân thân lai lịch 03 gói ma túy đá có tổng trọng lượng 272,318 gam và đi xe khách về Phú Yên, khoảng 14 giờ ngày 02/5/2017, T đưa 03 gói ma túy đá cho P, P lấy 02 gói phân lẻ và cất giấu, còn 01 gói T ngụy trang vào 01 hộp sâm chuẩn bị gởi cho người tên Đ (chưa xác định nhân thân lai lịch) thì bị bắt quả tang. Nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đã truy tố các bị cáo Võ Thị Kim P và Vũ Văn T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố các bị cáo Lê Văn T và Lê Duy L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử lý các bị cáo Võ Thị Kim P, Vũ Văn T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c, i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Ph; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo T là có căn cứ, đúng tội.

Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý độc dược của Nhà nước mà còn gây mất trật tự trị an - an toàn xã hội ở địa phương. Bản thân các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc mua bán trái phép chất ma túy sẽ bị xã hội lên án và pháp luật nghiêm trị, nhưng vì lợi nhuận bất chính các bị cáo đã bất chấp, nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy đá trong thời gian dài, gieo rắc tai họa cho cộng đồng và xã hội, nên cần xử lý nghiêm minh, trừng trị thích đáng. Đánh giá vai

trò, vị trí, tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của từng bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử phân hóa như sau:

- Bị cáo Võ Thị Kim P là người chủ mưu, cầm đầu trong vụ án, từ vai trò là người sử dụng trái phép ma túy đá, nhưng vì lợi nhuận đã làm cho bị cáo mờ mắt, ngày càng lún sâu vào con đường phạm tội; số lượng mua bán ma túy ngày càng tăng, địa bàn hoạt động ngày càng rộng; tính chất phạm tội ngày càng nguy hiểm, khi cho một số đối tượng sử dụng miễn phí ma túy đá để lôi kéo các đối tượng này tham gia vào đường dây mua, bán ma túy đá cho bị cáo; phương thức, thủ đoạn giao dịch mua, bán ma túy đá giữa bị cáo với các “đầu nậu” cung cấp ma túy đá, giữa bị cáo với các đối tượng nghiện hết sức tinh vi, xảo quyệt đã che dấu được sự phát hiện của cơ quan chức năng và quần chúng nhân dân trong thời gian dài. Ngoài hành vi nhiều lần mua, bán trái phép chất ma túy, trong đó có 03 gói ma túy đá với trọng lượng 272,318 gam mà bị cáo thống nhất với bị cáo T ra Hà Nội mua về Phú Yên tiêu thụ; bị cáo còn cất giấu 22 viên hồng phiến (tên khoa học là: Methamphetamine) có trọng lượng 2,050 gam do Vũ Văn T đưa để sử dụng dần và cất giấu 1,227 gam Heroin để thỉnh thoảng đưa cho bạn trai là Phạm Văn P sử dụng. Bản thân bị cáo là người đã bị kết án về tội “Cố ý gây thương tích” chưa được xóa án tích, nhưng không tích cực sửa chữa lỗi lầm mà lại tiếp tục thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, là thuộc trường hợp tái phạm, nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên áp dụng hình phạt nghiêm khắc và cao hơn các bị cáo khác để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo luôn thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; đã tự thú về các hành vi phạm tội trước đó; đồng thời chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khác giúp cơ quan chức năng nhanh chóng kết thúc vụ án, nên cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm o, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự để lượng hình cho phù hợp.

- Bị cáo Vũ Văn T là người thực hiện hành vi phạm tội rất tích cực, bị cáo mua 22 viên hồng phiến (tên khoa học là: Methamphetamine) có trọng lượng 2,050 gam ở Đắk Lắk mang xuống đưa cho bị cáo Võ Thị Kim P cất giấu để cùng nhau sử dụng dần. Trong thời gian chung sống như vợ chồng với P, bị cáo đã 08 lần mang ma túy đá đi bán cho người nghiện và đem tiền về đưa lại cho P; khi hết ma túy đá để bán, bị cáo đã thống nhất với bị cáo P một mình ra Hà Nội tìm mua 03 gói ma túy đá có tổng trọng lượng 272,318 gam mang về Phú Yên đưa cho P và bán lại. Chứng tỏ bị cáo là đối tượng liều lĩnh, nguy hiểm, bởi các đối tượng mua bán ma túy không bao giờ giao dịch, mua bán ma túy với người lạ, nên bị cáo hẳn là người có quan hệ rất chặt chẽ với các đối tượng trong giới mua bán ma túy mới giao dịch, mua bán nợ thành công số lượng lớn ma túy đá với giá trị hàng trăm triệu đồng; Do đó, chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên áp dụng hình phạt nghiêm khắc, nhưng thấp hơn bị cáo Phụng để cải tạo, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt.

- Bị cáo Lê Duy L là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về “Cướp giật tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện; bản thân bị cáo là đối tượng nghiện ma túy đá, khi gặp và được bị cáo Võ Thị Kim P cho sử dụng ma túy đá miễn phí, bị cáo đã tự nguyện 10 lần đi giao bán ma túy đá cho người nghiện và đem tiền về đưa lại cho P, được P cung cấp xe mô-tô, điện thoại di động để giao dịch và được P cho 05 triệu đồng. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn, cản trở cho

việc giải quyết vụ án. Do đó, chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên áp dụng hình phạt nghiêm, nhưng thấp hơn bị cáo P, T đề cải tạo, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự khi lượng hình.

- Bị cáo Lê Văn T là người nghiện ma túy đá, nên thường xuyên mua ma túy đá của bị cáo P; về sau được P cho sử dụng miễn phí ma túy đá, nên tự nguyện đem ma túy đá đi bán cho các đối tượng nghiện và mang tiền về cho P. Theo lời khai của bị cáo Văn T và bị cáo P, thì bị cáo Văn T đi giao bán ma túy đá cho P rất nhiều lần, tuy nhiên tài liệu, chứng cứ chỉ đủ chứng minh bị cáo đi giao bán ma túy đá hai lần. Bản thân bị cáo đã có vợ và hai con nhỏ, có nghề nghiệp ổn định nhưng không chí thú làm ăn xây dựng hạnh phúc gia đình, mà lại lao vào nghiện ngập, bao nhiêu tiền bạc làm ra đều không đủ phục vụ cho nhu cầu sử dụng ma túy đá của bị cáo, để rồi sa chân vào con đường phạm tội. Bị cáo có nhân thân tốt, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, mà khai báo thành khẩn, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo khác giúp cơ quan chức năng nhanh chóng kết thúc vụ án. Nên chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, đồng thời áp dụng hình phạt thấp hơn các bị cáo khác trong vụ án, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo thành công dân tốt.

Ngoài ra, bị cáo Võ Thị Kim P có hành vi tàng trữ 01 bộ bình thủy tinh có hình dạng hồ lô, 36 ống nổ thủy tinh, 02 ống hút bằng nhựa. Tuy nhiên, đây chỉ là các bộ phận riêng lẻ, không đủ 05 bộ. Do đó, Cơ quan điều tra đề nghị không xem xét xử lý P về hành vi “Tàng trữ các phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy” là thỏa đáng.

Bị cáo Võ Thị Kim P khai chôn giấu 2 gói ma túy đá ở khu vực rừng dương thuộc xã B, thành phố T bị người khác lấy mất. Tuy nhiên chỉ có lời khai của P, không có tài liệu, chứng cứ khác nên chưa có cơ sở để xử lý về tội “Chiếm đoạt chất ma túy”. Cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Yên tiếp tục điều tra, xử lý sau là phù hợp.

Các đối tượng Nguyễn Lữ Ngọc C, sinh năm 1984, trú tại 27/6 C, phường C, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; Triệu Hải L, sinh năm 1979, trú tại tổ 18B, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng không có mặt tại địa phương, đã hết thời hạn điều tra nhưng chưa làm việc được. Người đàn ông ở thành phố Hà Nội bán ma túy cho Vũ Văn T; nam thanh niên bán ma túy (hồng phiến) cho Vũ Văn T ở Đắk Lắk; người phụ nữ ở miền Bắc bán ma túy cho Võ Thị Kim P; người đàn ông mua ma túy tên Dương ở Đắk Lắk; người đàn ông giao ma túy cho P ở bến xe M; người đàn ông bán dụng cụ sử dụng ma túy cho P ở thành phố Hồ Chí Minh không xác định được nhân thân, lai lịch nên không làm rõ được hành vi phạm tội. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, để xử lý sau.

Các đối tượng mua ma túy đá để sử dụng gồm: Đỗ Mạnh C, Hoàng Lữ Q, Nguyễn Ngọc T, Lê Quốc T, Nguyễn Văn H, Hà Kỳ H, Nguyễn Đức T, Dương Ngọc T, Nguyễn Hữu H, Đỗ Mạnh H; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên đã có Công văn số 61/PC47, 62/PC47 ngày 07/8/2017 đề nghị Công an thành phố Tuy Hòa và Công an huyện Tuy An xử lý vi phạm hành chính là phù hợp.

Đối tượng Phạm Văn P có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, không có mặt tại địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau.

Bà Nguyễn Thị L (mẹ bị cáo P) và bà Đàm Thị P (mẹ bị cáo T) không biết và không tham gia các hoạt động mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của P và T nên không xử lý.

**\* Về xử lý vật chứng:**

- 01 (một) bao ni lông màu trắng, dán kín giấy niêm phong, mặt trước có ghi “Đây là 2163 bì ni lông trong suốt có nhiều kích thước và có viền nhiều loại màu khác nhau”;

- 01 (một) bao ni lông màu trắng trong suốt đã được niêm phong; bên trong đựng: 02 (hai) ống hút bằng nhựa có kích thước (18,5x0,3)cm và (20x0,3)cm, thân ống có hai đoạn co giãn; 01 (một) nỏ thủy tinh loại chuyên dụng để sử dụng ma túy, dài 3,6cm, đường kính nơi lớn nhất 2,6cm, đường kính nơi nhỏ nhất 0,7cm; 01 (một) ống hút bằng thủy tinh dài 14cm, một đầu uốn cong hình lưỡi câu cao 3,8cm, ống có đường kính 0,3cm; 01 (một) kéo kim loại màu trắng dài 15,5cm, lưỡi kéo dài 6,2cm; 01 (một) cân tiểu ly điện tử vỏ màu đen, giới hạn MH 100g; 0,01g, có kích thước (9,5x5)cm; 01 (một) que gas màu tím, kích thước (8x3,2x1)cm;

- 01 (một) hộp kim loại hình chữ nhật có kích thước (29x13x6)cm, đã được bọc giấy dán kín giấy niêm phong, mặt trước có ghi “Đây là hộp kim loại màu vàng đen, kích thước 29x13x6 (cm) dùng để đựng bì ni lông có nhiều tinh thể màu trắng”.

- 01 (một) khối hình trụ lục giác, đã được bọc giấy dán kín giấy niêm phong, mặt trước có ghi “Đây là bình thủy tinh bên trong có chất lỏng màu xanh lá, thu giữ trong quá trình khám xét”;

- 01 (một) hộp kim loại màu đỏ - vàng - trắng, có hoa văn, kích thước (18x22x14,5)cm, có dòng chữ HAPPY (Bánh hỗn hợp ASSCORTED BISCUITS), đã được dùng giấy gián kín niêm phong nắp hộp, mặt trên nắp hộp có ghi “Đây là 34 ống hút bằng thủy tinh”;

- 01 (một) bao ni lông màu đen, đã được dùng giấy dán kín niêm phong, mặt trước có ghi “Đây là 2716 bì ni lông trong suốt, có nhiều viền màu khác nhau thu giữ trong quá trình khám xét”;

- 01 (một) bao bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: Công an tỉnh Phú Yên - Phòng Kỹ thuật hình sự. Hoàn trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An A1 = 166,426 gam Methamphetamine còn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 150/GĐ-PC54 ngày 04/5/2017;

- 01 (một) bao bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: Công an tỉnh Phú Yên. Hoàn trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An A2 = 4,291 gam Methamphetamine còn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 150/GĐ-PC54 ngày 04/5/2017;

- 01 (một) bao bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: Công an tỉnh Phú Yên. Hoàn trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An A3 = 1,059 gam Heroine còn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 150/GĐ-PC54 ngày 04/5/2017;

- 01 (một) bao bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: Công an tỉnh Phú Yên. Hoàn trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An A4 = 1,821 gam Methamphetamine theo Kết luận giám định số 150/GĐ-PC54 ngày 04/5/2017;

- 01 (một) bao bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: Công an tỉnh Phú Yên - Phòng Kỹ thuật hình sự. Hoàn trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An A5= 93,260 gam Methamphetamine còn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 150/GĐ-PC54 ngày 04/5/2017;

Những vật chứng trên không còn giá trị sử dụng và là vật cấm lưu hành, liên quan đến việc phạm tội, nên tịch thu tiêu hủy theo điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu sơn xanh của Võ Thị Kim P dùng làm phương tiện giao dịch mua bán ma túy;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Land Rover màu đen của Vũ Văn T , dùng làm phương tiện giao dịch mua bán ma túy;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng của Vũ Văn T. Mặc dù T xin nhận lại, nhưng qua tra cứu nội dung tin nhắn trong điện thoại thể hiện bị cáo T dùng làm phương tiện giao dịch mua bán ma túy;

- 01 (một) xe mô tô biển số 78H1-23.683, nhãn hiệu SIRIUS, cùng 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên chủ xe: Võ Thị Kim P. Mặc dù, bị cáo Võ Thị Kim P và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Hồ Thị T cho rằng xe này P đã cho Hồ Thị T; nhưng đây là tài sản bắt buộc có đăng ký, cả P và Hồ Thị T không chứng minh được có việc tặng cho tài sản; hơn nữa xe mô tô này P giao cho bị cáo Lê Duy L dùng làm phương tiện đi giao bán ma túy;

- 01 (một) xe mô tô biển số 78C1- 03.663, nhãn hiệu SHARK, cùng 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên chủ xe: Lê Thị Mỹ L. Mặc dù, bị cáo Võ Thị Kim P cho rằng xe này bị cáo mua của chị Lê Thị Mỹ L với giá 17.500.000đ, trong đó chỉ có 03 triệu đồng lấy từ tiền mua bán ma túy mà có nên xin nhận lại; Tuy nhiên, bị cáo P vẫn thừa nhận dùng xe mô tô này làm phương tiện đi nhận ma túy từ thành phố Hồ Chí Minh gửi ra, từ Hà Nội gửi vào, đi giao bán ma túy đá cho người nghiện;

Nên cần tịch thu các tài sản này sung quỹ Nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen của Lê Văn T. Qua kiểm tra dữ liệu trong điện thoại, không có căn cứ chứng minh Lê Văn T dùng điện thoại này giao dịch mua bán ma túy;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel màu đen viền trắng của Lê Duy L. Qua kiểm tra dữ liệu trong điện thoại, không có căn cứ chứng minh Lê Duy L dùng điện thoại này giao dịch mua bán ma túy;

- 01 chiếc Camera của Võ Thị Kim P;

- 01 (một) chiếc máy tính bảng của Võ Thị Kim P;

- 01 (một) cục sạc dự phòng màu đen, nhãn hiệu ESAVER của Võ Thị Kim P;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy A5 của Võ Thị Kim P.

Qua kiểm tra dữ liệu trong điện thoại, máy tính bảng, cũng như Camera, cục sạc không có căn cứ chứng minh Võ Thị Kim P dùng giao dịch mua bán ma túy;

Nên tuyên trả các tài sản này cho chủ sở hữu theo Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 45.000.000đ (đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Yên tại giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 09/6/2017), thu của bà Đàm Thị P nộp do bị cáo Vũ Văn T phạm tội mà có. Nên tịch thu sung quỹ Nhà nước theo Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 44.251.000đ (được gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Yên tại biên bản giao, nhận tài sản ngày 15/5/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên và Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Yên). Trong đó:

+ 37.916.000đ thu của bị cáo Võ Thị Kim P. Mặc dù, tại phiên tòa bị cáo P cho rằng do mua bán đưa với mẹ bị cáo mà có, tuy nhiên bị cáo khai mình chỉ mua bán ma túy không có nghề nghiệp gì khác, trong khi mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị L khai, P không mua bán đưa với bà, P suốt ngày ở trong phòng, trong khi đó tại Cơ quan điều tra P đã thừa nhận số tiền này do mua bán ma túy mà có, nên bị cáo cho rằng đây là tiền do mua bán đưa mà có là không có cơ sở. Nên tịch thu sung quỹ Nhà nước theo Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ 2.485.000đ thu của Vũ Văn T. Thực tế, đây là số tiền trong số tiền 50.000.000đ mà P đưa cho T trả tiền mua ma túy, nhưng T gửi cho mẹ ruột là bà Đàm Thị P 45.000.000đ, cho Văn T 2.000.000đ, ăn tiêu hết 515.000đ, còn lại 2.485.000đ, nên bị cáo cho rằng đây là tiền riêng của bị cáo là không có cơ sở. Nên tịch thu sung quỹ Nhà nước theo Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ 2.000.000đ thu của Lê Văn T do Vũ Văn T dùng tiền mua bán ma túy và cho bị cáo Văn T. Nên tịch thu sung quỹ Nhà nước theo Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ 1.850.000đ thu của Lê Văn T, tiền này là của Văn T do hành nghề lái xe ô tô thuê mà có. Nên trả lại cho Văn T theo Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- 02 tờ tiền ngoại tệ mệnh giá mỗi tờ 02 USD thu của Vũ Văn T, (được gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Yên tại biên bản giao, nhận tài sản ngày 15/5/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên và Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Yên), không liên quan đến mua bán ma túy. Nên trả lại cho T theo Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

\* Về án phí: Các bị cáo bị kết án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm theo Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Thị Kim P, Vũ Văn T, Lê Duy L, Lê Văn T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; các bị cáo Võ Thị Kim P, Vũ Văn T còn phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194; điểm o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Phạt: Bị cáo Võ Thị Kim P - **18 (Mười tám)** năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; Áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm c, i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung); điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Phạt: Bị cáo Võ Thị kim P - **02 (Hai)** năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Võ Thị Kim P phải chấp hành hình phạt chung là: **20 (Hai mươi)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/5/2017;

- Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Phạt: Bị cáo Vũ Văn T - **17 (Mười bảy)** năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; Áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung); điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Phạt: Bị cáo Vũ Văn T - **01 (Một)** năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Vũ Văn T phải chấp hành hình phạt chung là: **18 (Mười tám)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/5/2017;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo L và bị cáo Văn T. Phạt: Bị cáo Lê Duy L - **09 (Chín)** năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 23/10/2017; Phạt: Bị cáo Lê Văn T - **07 (Bảy)** năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2017.

**\* Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41; 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

### **Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước:**

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu sơn xanh, của Võ Thị Kim P.  
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Land Rover màu đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng của Vũ Văn T.

- 01 (một) xe mô tô biển số 78H1-23.683, nhãn hiệu SIRIUS, cùng 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên: Võ Thị Kim P; 01 (Một) xe mô tô biển số 78C1-03.663, nhãn hiệu SHARK, cùng 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên: Lê Thị Mỹ L, thuộc sở hữu của bị cáo Võ Thị Kim P.

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 45.000.000đ thu của bà Đàm Thị P (đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Yên tại giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 09/6/2017).

- Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 37.916.000đ thu của bị cáo Võ Thị Kim P; 2.485.000đ thu của Vũ Văn T; 2.000.000đ thu của Lê Văn T (được gửi tại Kho bạc Nhà

nước tỉnh Phú Yên tại biên bản giao, nhận tài sản ngày 15/5/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên và Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Yên).

***Tuyên trả cho các chủ sở hữu gồm:***

- Trả cho Lê Văn T: 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 1.850.000đ (được gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Yên tại biên bản giao, nhận tài sản ngày 15/5/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên và Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Yên).

- Trả cho Lê Duy L: 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel màu đen viền trắng.

- Trả cho Võ Thị Kim P: 01 (một) chiếc Camera; 01 (một) chiếc máy tính bảng; 01 (một) cục sạc dự phòng màu đen, nhãn hiệu ESAVER; 01 (một) điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy A5.

- Trả cho Vũ Văn T 02 tờ tiền ngoại tệ mệnh giá mỗi tờ 02 USD (được gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Yên tại biên bản giao, nhận tài sản ngày 15/5/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên và Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Yên).

***Tuyên tịch thu tiêu hủy:***

- 01 (một) bao ni lông màu trắng, dán kín giấy niêm phong, mặt trước có ghi “Đây là 2163 bì ni lông trong suốt có nhiều kích thước và có viền nhiều loại màu khác nhau”.

- 01 (một) bao ni lông màu trắng trong suốt đã được niêm phong; bên trong đựng: 02 (hai) ống hút bằng nhựa có kích thước (18,5x0,3)cm và (20x0,3)cm, thân ống có hai đoạn co giãn; 01 (một) nỏ thủy tinh loại chuyên dụng để sử dụng ma túy, dài 3,6cm, đường kính nơi lớn nhất 2,6cm, đường kính nơi nhỏ nhất 0,7cm; 01 (một) ống hút bằng thủy tinh dài 14cm, một đầu uốn cong hình lưỡi câu cao 3,8cm, ống có đường kính 0,3cm; 01 (một) kéo kim loại màu trắng dài 15,5cm, lưỡi kéo dài 6,2cm; 01 (một) cân tiểu ly điện tử vỏ màu đen, giới hạn MH 100g; 0,01g, có kích thước (9,5x5)cm; 01 (một) que gas màu tím, kích thước (8x3,2x1)cm.

- 01 (một) hộp kim loại hình chữ nhật có kích thước (29x13x6)cm, đã được bọc giấy dán kín giấy niêm phong, mặt trước có ghi “Đây là hộp kim loại màu vàng đen, kích thước 29x13x6 (cm) dùng để đựng bì ni lông có nhiều tinh thể màu trắng”.

- 01 (một) khối hình trụ lục giác, đã được bọc giấy dán kín giấy niêm phong, mặt trước có ghi “Đây là bình thủy tinh bên trong có chất lỏng màu xanh lá, thu giữ trong quá trình khám xét”.

- 01 (một) hộp kim loại màu đỏ - vàng - trắng, có hoa văn, kích thước (18x22x14,5)cm, có dòng chữ HAPPY (Bánh hỗn hợp ASSCORTEED BISCUITS), đã được dùng giấy gián kín niêm phong nắp hộp, mặt trên nắp hộp có ghi “Đây là 34 ống hút bằng thủy tinh”.

- 01 (một) bao ni lông màu đen, đã được dùng giấy dán kín niêm phong, mặt trước có ghi “Đây là 2716 bì ni lông trong suốt, có nhiều viền màu khác nhau thu giữ trong quá trình khám xét”.

- 01 (một) bao bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: Công an tỉnh Phú Yên - Phòng Kỹ thuật hình sự. Hoàn trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An A1

= 166,426 gam Methamphetamine còn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 150/GĐ-PC54 ngày 04/5/2017.

- 01 (một) bao bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: Công an tỉnh Phú Yên. Hoàn trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An A2 = 4,291 gam Methamphetamine còn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 150/GĐ-PC54 ngày 04/5/2017.

- 01 (một) bao bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: Công an tỉnh Phú Yên. Hoàn trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An A3 = 1,059 gam Heroine còn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 150/GĐ-PC54 ngày 04/5/2017.

- 01 (một) bao bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: Công an tỉnh Phú Yên. Hoàn trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An A4 = 1,821 gam Methamphetamine theo Kết luận giám định số 150/GĐ-PC54 ngày 04/5/2017.

- 01 (một) bao bì giấy dán kín, mặt trước có ghi: Công an tỉnh Phú Yên - Phòng Kỹ thuật hình sự. Hoàn trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy An A5 = 93,260 gam Methamphetamine còn lại sau giám định theo Kết luận giám định số 150/GĐ-PC54 ngày 04/5/2017.

Đặc điểm, hình dạng của vật chứng như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/10/2017 và 24/11/2017 giữa Công an tỉnh Phú Yên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên; Biên bản giao nhận tài sản ngày 15/5/2017 giữa Công an tỉnh Phú Yên và Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Yên; Giấy nộp tiền vào tài khoản số 543 ngày 09/6/2017 giữa Công an tỉnh Phú Yên và Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Yên.

**\* Về án phí:** Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Võ Thị Kim P, Vũ Văn T, Lê Duy L, Lê Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng (1);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- PV 27 (1);
- PC 14 (1);
- Sở tư pháp (1);
- Bị cáo (1);
- Người tham gia tố tụng (1);
- Phòng GDKT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Nguyên Tùng**

- Lưu hồ sơ.